

KHỦNG HOẢNG KINH TẾ VÀ LÝ LUẬN TRONG KHỦNG HOẢNG TOÀN CẦU HIỆN NAY

LƯƠNG ĐÌNH HẢI*

Trong thực tế phong trào cánh tả trên thế giới hiện nay là một phong trào mang nhiều nội dung, thể hiện những khuynh hướng xã hội, đại diện ở những mức độ khác nhau cho các tầng lớp và cơ sở xã hội khác nhau, do đó có những mục tiêu và đặc điểm khác nhau ở các nước, các khu vực khác nhau. Những năm gần đây phong trào cánh tả ở các khu vực trên thế giới từ Tây đến Đông, từ Bắc đến Nam bán cầu có những khởi sắc mạnh mẽ. Đặc biệt, từ khi thế giới rơi vào khủng hoảng kinh tế bắt đầu từ 2008 thì phong trào cánh tả ở nhiều nước, nhiều khu vực có thêm những bước phát triển mới. Lực lượng cánh tả ở một số nước với những mức độ khác nhau đã có "những thắng lợi dồn dập" và trở lại cầm quyền trong một vài nước và trong những lĩnh vực, phạm vi nhất định ở nhiều nước khác.

Tình hình trên đây thể hiện ít nhất xuất phát từ 4 tình thế sau đây: Thứ nhất, trong khủng hoảng kinh tế đang ngày càng có xu thế lan rộng và có nhiều triệu chứng cho thấy chưa thể chấm dứt trong một vài năm tới, mà còn có thể lan sang các nước thuộc khu vực Đông Á; Thứ hai, đời sống của các tầng lớp trung lưu và hạ lưu đang ngày một trở nên xấu đi nghiêm trọng, sự phân hóa xã hội vẫn tiếp tục diễn ra ngày một sâu rộng trên quy mô toàn thế giới làm cho tỷ lệ giữa người nghèo và người giàu càng tăng nhanh; Thứ ba, trình độ dân trí, khả năng và điều kiện mở rộng dân chủ của các quốc gia và

thế giới đã và đang tiếp tục được cải thiện một cách nhanh chóng hơn các thời kỳ trước đây trong lịch sử; Thứ tư, những thất bại và cả sự chậm trễ của giới cầm quyền cánh hữu trong việc giải quyết các vấn đề của đời sống kinh tế xã hội và quốc tế đang gây nên nỗi thất vọng và mất niềm tin của đông đảo dân cư trong nhiều nước, ở các khu vực khác nhau. Bối cảnh ấy làm cho phong trào cánh tả khởi sắc, thắng lợi dồn dập. Những triệu chứng mới về khủng hoảng tài chính như ở khu vực đồng Euro, những dấu hiệu "hụt hơi" của nền kinh tế Trung Quốc, sự bất đồng giữa Mỹ và Trung Quốc về tỷ giá đồng nhân dân tệ,... khiến cho thế giới cảm thấy dường như những bất ổn đang lớn dần và nguy cơ khủng hoảng ngày thêm trầm trọng và tương lai dường như đang xấu thêm, báo hiệu rằng phong trào cánh tả đang tiếp tục có những cơ hội và cơ sở xã hội để bùng lên mạnh mẽ trong những năm tới.

Tuy nhiên, dù những điều kiện xã hội có tạo đà cho phong trào cánh tả đến mức nào thì vẫn rất khó đoán định được tương lai của nó. Một lý luận tổng quát, nhất quán và rõ rệt của phong trào cánh tả vẫn còn chưa hiện diện. Có lẽ đây là điều quan trọng và quyết định nhất trong giai đoạn hiện nay và cả trong tương lai một hai thập kỷ tới. Chưa có được sức mạnh lý luận nội tại, phong trào khó có được sự thống nhất và do vậy rất khó có đường hướng rõ nét cho tương lai. Điều này đặt ra cho phong trào nói riêng và nhân loại nói chung những vấn đề lý luận cấp thiết về phát triển kinh tế, xã hội.

* PGS.TS. Viện Nghiên cứu Con người.

Cuộc khủng hoảng tài chính thế giới đã và đang tiếp tục gây ảnh hưởng lớn đến đời sống kinh tế và xã hội ở quy mô toàn cầu, tuy rằng mức độ ảnh hưởng có khác nhau ở các nước khác nhau. Theo đánh giá của nhiều chuyên gia và nhiều nhà lãnh đạo các nền kinh tế khác nhau trên thế giới, từ những nước phát triển nhất đến những nước kém phát triển, hiện nay cuộc khủng hoảng đã “chạm đáy”¹, quá trình phục hồi đã bắt đầu có những dấu hiệu khả quan. Nhưng tiếp ngay sau đó, từ Ireland, rồi Bồ Đào Nha đến Hy Lạp, lại bắt đầu ở Italia và các nước châu Âu khác, khủng hoảng nợ công như một trận bão mới tiếp tục nhấn mạnh nền kinh tế thế giới chìm xuống sâu hơn nữa và chưa một ai có thể đoán định được đến khi nào thì khủng hoảng nợ công sẽ được giải quyết triệt để ở các quốc gia này.

Nhưng, qua những gì mà cuộc khủng hoảng này đã thể hiện, chúng ta có thể khẳng định rằng: Đây là cuộc khủng hoảng nghiêm trọng nhất kể từ sau cuộc đại khủng hoảng 1929 -1933. Thậm chí, nếu xét về quy mô, mức độ, tốc độ diễn biến, cuộc khủng hoảng này có nhiều điểm còn vượt trội hơn so với cuộc đại khủng hoảng 1929 -1933. Do quá trình toàn cầu hóa, do cách mạng khoa học và công nghệ, do sự phát triển của hạ tầng thông tin viễn thông, dòng tiền điện tử luân chuyển trên mạng viễn thông lớn hơn giá trị hàng hóa hàng trăm, thậm chí hàng ngàn lần mà không một chính phủ nào kiểm soát được. Việc phản ứng, đối phó với khủng hoảng đòi hỏi sự nhanh nhạy, kịp thời, đòi hỏi sự phối hợp của nhiều nước, thông qua cơ chế chung có tính toàn cầu. Điều kiện kỹ thuật, công nghệ, kinh nghiệm và năng lực điều hành của các chính phủ hiện nay cho phép thực hiện được những đòi hỏi ấy. Cũng do vậy, nền kinh tế thế giới trong đợt khủng hoảng này dù là nghiêm trọng nhất từ sau đại khủng hoảng 1929-1933, đã “chạm đáy”, lại tiếp theo là khủng hoảng nợ công, nhưng thực tế thì cũng chưa

lún sâu đến mức như trong cuộc đại khủng hoảng trước đây².

Cho đến lúc này vẫn còn nhiều ý kiến khác biệt về hậu quả và ảnh hưởng của 2 cuộc khủng hoảng này. Nhưng rõ ràng là ai cũng phải thừa nhận rằng chúng đã và đang gây ra những thiệt hại to lớn cho nền kinh tế thế giới. Theo tính toán sơ bộ của Ngân hàng phát triển châu Á chưa tính khủng hoảng nợ công, nền kinh tế thế giới có thể phải chịu tổng thiệt hại khoảng 50 ngàn tỷ USD. Tuy nhiên, đó chỉ mới là thiệt hại về phương diện tài chính. Có thể nhận thấy rằng, dù tiến trình khủng hoảng có nhanh chóng hồi phục và hồi phục với kịch bản tối ưu nhất, nhanh nhất thì chắc chắn rằng, cũng tương tự như đại khủng hoảng 1929 - 1933, những hậu quả nhiều mặt của nó vẫn còn rất lâu mới có thể thanh toán hết. Nhưng khác với khủng hoảng 1929-1933, lần này khủng hoảng ở Mỹ chưa ổn thì châu Âu nợ công lại bùng lên ảnh hưởng tràn sang Mỹ. Tình hình hiện nay đang có những triệu chứng báo hiệu có thể lại có những đợt sóng khủng hoảng mới xuất hiện tiếp tục đè lên khủng hoảng cũ. Chính vì vậy, nó đang buộc tất cả lãnh đạo của các nền kinh tế trên thế giới, các học giả, các nhà lý luận phải nghiêm túc nhìn lại quá khứ, tổng kết thực tiễn để rút ra những bài học, bổ sung và phát triển thêm lý thuyết phát triển cả về kinh tế lẫn xã hội. Cả cánh hữu lẫn cánh tả đều đang rất lúng túng trong việc giải quyết khủng hoảng dù xem xét từ quan điểm lý luận nào. Các lý luận hiện có của cả cánh tả lẫn cánh hữu dường như đều bất lực cả trong việc lý giải nguyên do lẫn đề xuất giải pháp hữu hiệu khắc phục khủng hoảng.

Cuộc khủng hoảng toàn cầu hiện nay đang làm suy giảm và thậm chí triệt tiêu vị thế trước đây của học thuyết kinh tế Tân tự do, chủ trương tư nhân hóa, tự do hóa, phi điều tiết, được suy tôn và sử dụng tích cực từ thời Tổng thống Mỹ R. Rigan, và Thủ tướng Anh M. Thatcher. Có một thực tế

không thể phủ nhận là việc các chính phủ sử dụng lý thuyết Tân tự do trong kinh tế đã mang lại cả một thời kỳ phát triển tương đối ngoạn mục của nền kinh tế thế giới trong thời gian qua. Thị trường đã “tự do” điều tiết “tối đa” nền kinh tế và sự phát triển nói chung. “Nhà nước tối thiểu” trở thành nguyên tắc phát triển chung, nổi trội, nhất là sau khi mô hình kinh tế tập trung của chủ nghĩa xã hội ở Liên xô và Đông Âu sụp đổ. Cuộc khủng hoảng lần này cả về tài chính ngân hàng lẫn nợ công ở châu Âu chính là sự sụp đổ của mô hình phát triển theo nguyên tắc “nhà nước tối thiểu, thị trường tối đa”.

Các chính phủ, các tổ chức kinh tế, tài chính ở các nước khác nhau, cả cánh hữu lẫn cánh tả ở tầm quốc gia cũng như quốc tế hiện đang có xu hướng quay về với lý thuyết J.M. Keynes trong cả lý luận lẫn thực tiễn. Để đối phó với khủng hoảng, nhiều nước đã thực thi các biện pháp bảo hộ sản xuất trong nước, dùng nhà nước để can thiệp mạnh mẽ và nhanh chóng vào thị trường, điều tiết thị trường tài chính, cứu các ngân hàng, công ty, chính phủ khỏi sự phá sản, khôi phục niềm tin của các nhà đầu tư. Các gói kích cầu khổng lồ đã được tung ra và có thể còn tiếp tục được tung ra trong giai đoạn sắp tới, các gói cứu trợ cho các chính phủ nợ công, các giải pháp thắt chặt chi tiêu,... đã được áp dụng. Các giải pháp ấy gần như được tất cả các nước sử dụng và sử dụng rất nhanh chóng trong khả năng có thể. Và thực tế, cho đến nay sự can thiệp tích cực, kịp thời của nhà nước đã có tác dụng ngăn chặn khủng hoảng một cách hiệu quả. Xu hướng ngược lại với những thập kỷ trước đây, tức là nguyên tắc nhà nước tối đa, thị trường tối thiểu, đã bắt đầu được thực thi.

Tuy nhiên, cũng phải thấy rằng, cuộc khủng hoảng không phải chỉ do chỗ là “nhà nước tối thiểu”, mà nó cũng cho thấy nhà nước đã có quá nhiều khiếm khuyết và quá nhiều lỗ hổng trong luật pháp, trong quá

trình điều tiết và quản lý sự phát triển suốt mấy thập kỷ, do nhà nước, dù theo mô hình lý luận cánh hữu hay cánh tả, đã không giám sát và không thể giám sát có hiệu quả hoạt động của chính mình và của nhiều định chế thị trường như các tập đoàn, công ty và của cả chính phủ, ngân hàng, lobby, để cho những định chế đó mặc sức tung hoành, che dấu những hoạt động mờ ám, không công khai, minh bạch,... Điều đó có nghĩa là nguyên nhân của cuộc khủng hoảng không chỉ do “nhà nước nhỏ”, mà còn là ở chỗ ở chính ngay cái “nhỏ” ấy, nhà nước cũng chưa thực sự làm tốt vai trò của mình.

Khủng hoảng nợ công đang bùng phát ở châu Âu và cũng đang có những dấu hiệu âm ỉ ở nhiều nước khác như Trung Quốc, Việt Nam, Ấn Độ, ... càng chứng tỏ rằng, nhà nước đang có nhiều khiếm khuyết, dù đó là nhà nước “nhỏ” hay “lớn” trong quan hệ với thị trường. Có lẽ dùng một công cụ khiếm khuyết (dĩ nhiên mức độ khiếm khuyết ở các nhà nước dựa trên nền tảng kinh tế thị trường là khác nhau) để điều chỉnh những khiếm khuyết của thị trường không phải là tối ưu. Bởi thế, nhân loại đã phải bổ sung thêm các thiết chế xã hội khác như xã hội dân sự,... nhưng, cho đến nay dường như cũng chưa có công cụ nào thực sự hữu hiệu, cho nên khủng hoảng vẫn tiếp tục dưới các hình thức biểu hiện khác nhau.

Nhìn ra ngoài cuộc khủng hoảng toàn cầu hiện nay, như một số nhà nghiên cứu đã nhận định, các cuộc khủng hoảng lớn nhỏ khác nhau trong lịch sử phát triển của kinh tế thị trường cho thấy vấn đề quan hệ giữa nhà nước và thị trường luôn là vấn đề then chốt. Trong bối cảnh kinh tế thị trường phát triển ở trình độ cao gắn liền với toàn cầu hóa và cách mạng khoa học và công nghệ hiện đại thì vấn đề quan hệ giữa nhà nước và thị trường càng là vấn đề có ý nghĩa quyết định đối với sự phát triển. Kinh tế thị trường là phương thức phát triển kinh tế năng động nhất mà nhân loại có thể tìm thấy cho đến

nay. Đại đa số các nước trên thế giới đều đang phát triển kinh tế thị trường dù biết rằng kinh tế thị trường luôn đi liền với khủng hoảng như một trong những mặt trái tai hại nhất theo cả hai nghĩa: hậu quả nặng nề nhất và khó có giải pháp khắc phục nhất.

Như đã biết, C. Mác, Ph. Ăngghen và V.I. Lênin đã xem khủng hoảng là một căn bệnh cố hữu của phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa và khủng hoảng là một trong những lực lượng ghê gớm phá hoại nền kinh tế có thể dẫn đến sự sụp đổ của chủ nghĩa tư bản nói chung. Theo quan điểm các ông, khi nào không còn chủ nghĩa tư bản thì khi đó cũng sẽ không còn khủng hoảng. Nhưng, bây giờ phải thấy rằng khủng hoảng là thuộc tính cố hữu không chỉ của phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa mà là của kinh tế thị trường nói chung. Chỉ có điều dưới chủ nghĩa tư bản kinh tế thị trường được phát triển ở mức độ rất cao, nên khủng hoảng có điều kiện để bộc lộ rõ ràng về quy mô, sức mạnh và tần suất. Theo Mác, để xóa bỏ khủng hoảng thì phải xóa bỏ kinh tế thị trường, xóa bỏ chủ nghĩa tư bản. Nhưng muốn xóa bỏ kinh tế thị trường và chủ nghĩa tư bản thì phải xóa bỏ triệt để chế độ tư hữu tư liệu sản xuất. Nhà nước phải nắm trong tay toàn bộ các tư liệu sản xuất chủ yếu và điều hành nền kinh tế theo một kế hoạch chung thống nhất trong toàn xã hội.

Tuy nhiên, trong điều kiện hiện nay điều đó chưa thể thực hiện được, ít nhất vì hai lý do. Thứ nhất, nhân loại chỉ xóa bỏ kinh tế thị trường khi và chỉ khi đã tìm ra được trong thực tiễn một phương thức phát triển kinh tế khác năng động hơn, có hiệu quả hơn mà thôi, còn nếu chưa có phương thức mới đó, thì kinh tế thị trường sẽ vẫn tiếp tục là cứu cánh của sự phát triển của xã hội loài người; Thứ hai, kinh tế thị trường chưa thể biến mất khi mà sự phát triển của các lực lượng sản xuất mà nó tạo địa bàn phát triển vẫn còn tiếp tục được phát triển cả về quy mô và tốc độ. Trên thế giới, cho đến nay,

kinh tế thị trường chưa phải đã được phát triển rộng khắp, càng chưa phải là đã được phát triển ở trình độ cao trong tất cả các châu lục. Sự chênh lệch về trình độ phát triển của các châu lục, các quốc gia cũng là một trong những điều kiện cho sự phát triển của kinh tế thị trường. Ở trình độ phát triển hiện nay của việc xã hội hóa các lực lượng sản xuất, khi mà tính chất không đồng đều trong sự phát triển của các lực lượng sản xuất đang tạo ra sự khác biệt lớn về hình thức, mức độ, quy mô và tính chất của việc tư hữu các tư liệu sản xuất, thì việc xóa bỏ kinh tế thị trường chưa thể thực hiện được.

Sự sụp đổ của mô hình kinh tế kế hoạch hóa tập trung là một minh chứng thực tiễn cho tính tất yếu về sự tiếp tục tồn tại của kinh tế thị trường trong giai đoạn hiện nay của lịch sử. Theo C. Mác, Ph. Ăngghen và V.I. Lênin, để thủ tiêu kinh tế thị trường, xóa bỏ những hạn chế và tiêu cực của nó như khủng hoảng, thất nghiệp..., thì cần phải xây dựng nền kinh tế kế hoạch hóa tập trung, nhà nước phải nắm toàn bộ các lực lượng sản xuất và điều hành nền kinh tế theo một kế hoạch chung, thống nhất³. Các nước xã hội chủ nghĩa trước đây tuân thủ nghiêm ngặt theo quan điểm này cùng với việc cố gắng thực hiện phân phối theo lao động và công bằng xã hội một cách tối đa trong chừng mực có thể. Nhưng thực tế cho thấy nền kinh tế của chủ nghĩa xã hội cũng không tránh khỏi khủng hoảng theo chiều hướng ngược lại. Suốt nhiều thập kỷ các nhà nước xã hội chủ nghĩa cũng đã tìm mọi cách để cải cách, sửa đổi, đổi mới, ... Những cải cách, sửa đổi đó chia thành hai khuynh hướng chính.

Khuynh hướng thứ nhất đi theo tư tưởng nhà nước “nắm chặt” hơn nền kinh tế, thủ tiêu mọi quan hệ hàng hóa tiền tệ, không cho thị trường phát triển dưới bất cứ hình thức nào với hy vọng càng bớt thị trường (thị trường hàng ngày hàng giờ để ra chủ nghĩa tư bản) càng nhiều chủ nghĩa xã hội.

Thực tiễn đã chứng tỏ rằng khuynh hướng này rất có hiệu quả trong huy động tiềm lực kinh tế ở điều kiện chiến tranh, nhưng lại làm cho chủ nghĩa xã hội đi vào bế tắc và thất bại trong điều kiện hòa bình. Những nước xã hội chủ nghĩa trước đây đi theo khuynh hướng này một cách triệt để, có nền kinh tế nhà nước tập trung cao độ như Liên xô và các nước Đông Âu, đã lâm vào khủng hoảng và đổ vỡ chính trị. Các nước khác như Triều Tiên, Cu Ba hiện cũng đang trong tình thế kém phát triển về kinh tế và gặp nhiều khó khăn trong phát triển. Gần đây Cu Ba đã phải bắt đầu thực hiện kinh tế thị trường.

Khuynh hướng thứ hai có phần cởi mở hơn, tiến hành cải cách từng bước theo xu hướng thị trường, ban đầu chấp nhận các quan hệ hàng hóa – tiền tệ và dần dần đi đến thừa nhận kinh tế thị trường, như Việt Nam, Trung Quốc, đã thu được những thành công to lớn. Trên góc độ quan hệ giữa thị trường và nhà nước, khuynh hướng này đã từng bước hạn chế phạm vi và quy mô tác động trực tiếp của nhà nước vào các hoạt động kinh tế. Tránh được sự đổ vỡ chính trị, kinh tế tăng trưởng ngoạn mục trong nhiều năm, nhưng hiện cũng phải đối phó với nhiều vấn đề nảy sinh từ cả hai phía trong thực tế: một phía là những hậu quả tiêu cực, hay còn gọi là mặt trái của kinh tế thị trường; một phía là những hậu quả tiêu cực của sự can thiệp không hợp lý, trái quy luật phát triển của nhà nước. Những bất ổn trong giai đoạn gần đây dường như đang lớn dần, những đòi hỏi cải cách đang tiếp tục bức thiết.

Bài học kinh nghiệm thực tế từ các cuộc khủng hoảng trong lịch sử cho thấy: cả thị trường và nhà nước đều không phải là những công cụ hoàn hảo đối với sự phát triển kinh tế, xã hội của các quốc gia. Chỉ ra một cách thuyết phục sự không hoàn hảo của kinh tế thị trường đối với sự phát triển, những người theo học thuyết Kyenes đã nhấn mạnh vai trò điều tiết của nhà nước và

tin rằng sự điều tiết, can thiệp của nhà nước là cách tốt nhất để hạn chế những khiếm khuyết và tác hại của thị trường. Cuộc khủng hoảng kinh tế xuất phát từ Hoa Kỳ vừa qua dường như là một minh chứng cho sự đúng đắn của lý thuyết này. Thị trường Hoa Kỳ trong nhiều thập kỷ đã được “tự do” hoạt động quá nhiều, sự giám sát tín dụng của nhà nước bị buông lỏng, “tăng trưởng ảo” kéo dài quá mức dẫn đến sự sụp đổ và kéo theo sự sụp đổ dây chuyền của các nền kinh tế Tây Âu, Nhật Bản và các nền kinh tế khác. Trong bối cảnh toàn cầu hóa sự sụp đổ dây chuyền này trở nên nhanh, mạnh hơn, ghê gớm hơn. Nhưng khủng hoảng nợ công ở châu Âu lại không hẳn như vậy, cả thuyết tự do mới lẫn Kyenes mới đều không thể dự báo và giải thích khủng hoảng nợ công.

Như vậy, nếu xem xét cả khủng hoảng của chủ nghĩa xã hội lẫn của chủ nghĩa tư bản có thể thấy, nếu nhà nước để thị trường chi phối sự phát triển, thì sớm hoặc muộn tất yếu cũng dẫn đến khủng hoảng. Nhưng nếu nhà nước “can thiệp” không đúng, không hợp lý vào sự phát triển kinh tế thì sớm hoặc muộn nền kinh tế cũng lâm vào suy thoái, sự phát triển nhất định bị ảnh hưởng tiêu cực. Những hậu quả do sự sai lầm trong điều hành của nhà nước cũng gây hậu quả không kém sự “tự do” của thị trường. Sự can thiệp của nhà nước vào kinh tế ở đây cần được hiểu theo hai nghĩa. Thứ nhất theo nghĩa là nhà nước can thiệp vào kinh tế thị trường như ở các nước tư bản chủ nghĩa hiện nay mà lý thuyết Keynes đã chỉ ra; Thứ hai theo nghĩa là nhà nước can thiệp vào nền kinh tế không thị trường, tức là kinh tế xã hội chủ nghĩa trước đây. Hai nền kinh tế khác nhau về bản chất, về sở hữu, về nhiều cái khác, nhưng sự điều tiết của nhà nước ở đây nếu không hợp lý đều có thể mang đến những tác động tiêu cực. Những quan điểm khác nhau của cánh tả hay cánh hữu nằm giữa hai luận thuyết ở hai thái cực nhà nước - thị

trường cho đến nay đều chưa đưa nhân loại tránh được hay thoát ra khỏi khủng hoảng.

Một điểm đáng lưu ý khác là cuộc khủng hoảng lần này càng cho thấy rõ hơn những ý tưởng mà một kinh tế gia đã nêu một vài năm trước đây về sự cần thiết phải có một tổ chức quốc tế giống như Liên Hợp Quốc về kinh tế để chỉ đạo, điều hành và giải quyết các vấn đề về kinh tế ngoài tầm kiểm soát của các chính phủ quốc gia trong toàn cầu hóa. Nền kinh tế toàn cầu hóa đang nảy sinh nhu cầu phải có một “chính phủ toàn cầu” để điều hành nó. Nếu không, trong tương lai không xa, dù các nền kinh tế quốc gia có được sự điều hành tốt, thì cũng không ai có thể đảm bảo rằng nền kinh tế toàn cầu không xảy ra khủng hoảng. IMF, WB, G8 hay G20 hiện không có được vai trò của một “chính phủ toàn cầu” để có thể giải quyết các vấn đề kinh tế và phát triển toàn cầu. Để cho kinh tế thế giới phát triển bền vững, công bằng hơn trong toàn cầu hóa đòi hỏi về một “chính phủ toàn cầu” đang ngày càng cấp thiết và chắc chắn trong tương lai không xa nó sẽ phải được ra đời. Chúng ta cần nỗ lực phối hợp để một cơ quan như vậy ra đời càng sớm càng tốt chăng? Tuy nhiên, khủng hoảng nợ công của châu Âu lại cho thấy, khi mà một “chính phủ toàn cầu” đã ra đời như ở châu Âu mà điều hành không tốt thì hậu quả khủng hoảng lại cũng là tất yếu.

Cuộc khủng hoảng toàn cầu lần này càng chứng tỏ cả lý thuyết của chủ nghĩa tự do, lý thuyết Keynes lẫn lý thuyết của C. Mác về kinh tế đều thể hiện rất đúng những phương diện nhất định của kinh tế thị trường tư bản chủ nghĩa, nhưng đều không thể giải quyết được những vấn đề về chống khủng hoảng, đảm bảo phát triển bền vững cho nhân loại. Hơn nữa trong bối cảnh toàn cầu hóa và cách mạng khoa học công nghệ hiện nay, hàng loạt vấn đề của kinh tế thị trường thế giới mới nảy sinh chưa được các lý thuyết nói trên xem xét cụ thể. Phải chăng các cuộc khủng hoảng ngày càng chứng tỏ cho đến

nay các lý thuyết ấy đã tỏ rõ sự bất lực của mình? Các cuộc khủng hoảng cũng đòi hỏi chúng ta phải có cách tiếp cận mới, có tính đột phá trong lĩnh vực lý luận phát triển, đảm bảo sự phát triển bền vững? Nếu không có cái đó, chắc chắn nền kinh tế thế giới sẽ lại tiếp tục rơi vào vòng xoáy khủng hoảng mới trong tương lai không xa? Không phải ngẫu nhiên hiện nay một số chuyên gia vẫn nhận định, mặc dầu có sự can thiệp tích cực, mạnh mẽ và kịp thời của các chính phủ, nhất là Chính phủ Obama, nguy cơ về một cuộc khủng hoảng tiếp theo vẫn còn hiển hiện ngay trong điều kiện hiện nay⁴.

Dường như trong cuộc khủng hoảng toàn cầu hiện nay, một số nền kinh tế như Việt Nam, Trung Quốc, Canada, Ôxtrâyliya, Nga... ở một mức độ nhất định đã tỏ ra “miễn dịch” được đối với khủng hoảng, đảm bảo kinh tế tiếp tục tăng trưởng. Câu hỏi đặt ra là phải chăng ở những nước đó nhà nước kiểm soát tốt hơn thị trường? Với Việt Nam, Trung Quốc và Nga kinh tế thị trường mới được thừa nhận và tạo dựng không lâu có thể là nguyên nhân của sự “miễn dịch” với khủng hoảng toàn cầu. Nhưng với Canada và Ôxtrâyliya thì nguyên do miễn dịch lại không giống như vậy. Họ đã kiểm soát khá tốt chính sách tài chính tiền tệ, không để những khuyết tật của nhà nước về luật pháp, chính sách và điều hành, không để các công ty, ngân hàng lũng đoạn, lộng hành và lừa dối trong lobby và trong cả các hoạt động kinh tế. Tuy nhiên, như đã nói, nền kinh tế của họ cũng không thể thoát khỏi ảnh hưởng của khủng hoảng, tốc độ tăng trưởng bị chậm lại, những mất cân đối trong sự phát triển cũng bộc lộ rõ rệt và gây hậu quả xấu. Trong một hai năm gần đây những bất ổn trong các nước này đang tăng lên. Việt Nam và Trung Quốc lại không đơn giản là “miễn dịch” như vậy. Những khó khăn đang hiện ra ngày càng lớn đối với Việt Nam và Trung Quốc sau khoảng 3 thập kỷ tăng trưởng và phát triển nhanh đến mức mà một số nhà

ngiên cứu đã nhận định về khả năng khủng hoảng đang đến ở 2 quốc gia này trong thời gian trước mắt và những hệ lụy mà nó gây ra cũng sẽ rất lớn⁵.

Vấn đề đang tiếp tục gây tranh cãi qua cuộc khủng hoảng lần này là nhà nước cần phải làm gì và làm như thế nào để tránh khủng hoảng. Trong khủng hoảng người ta nhất trí với nhau rằng, nhà nước phải can thiệp vào thị trường, không thể để các công ty và ngân hàng sụp đổ đưa đến sự sụp đổ của nền kinh tế. Nhưng mức độ, quy mô, phương pháp can thiệp như thế nào trong quá trình điều hành sự phát triển kinh tế - xã hội để không xảy ra khủng hoảng thì không đơn giản và càng không dễ nhất trí. Kinh tế học vĩ mô và lý thuyết phát triển đang bế tắc trong việc giải quyết hàng loạt câu hỏi nảy sinh từ khủng hoảng. Nhiều ý kiến đưa ra các giải pháp cụ thể như tăng cường sự công khai và minh bạch, hoàn thiện khung pháp lý, tăng cường giám sát hoạt động của các chủ thể kinh tế trong xã hội, đảm bảo an sinh xã hội, tổ chức cung ứng các hàng hóa công, tạo môi trường kinh doanh bình đẳng, ổn định v.v... Nói chung, xuất phát từ quan niệm cho rằng nguyên do chủ yếu của các cuộc khủng hoảng là do sự bất cập trong quản lý nhà nước đối với kinh tế thị trường và nhà nước là cái duy nhất có thể bổ khuyết và xử lý những thất bại của thị trường. Đa số các ý kiến cho rằng cần phải hoàn thiện nhà nước. Trong thực tế tất cả các nước, ở các mức độ khác nhau đều đi theo con đường đó dù có nước đi theo mô hình “ít nhà nước”, có nước theo mô hình “nhiều thị trường”. Cuộc khủng hoảng nợ công cho thấy việc hoàn thiện nhà nước càng cho thấy đòi hỏi cải cách nhà nước và thay đổi sự “điều hành” của nhà nước đối với kinh tế thị trường càng có ý nghĩa bức thiết.

Tuy nhiên, thực tế cũng cho thấy suốt mấy trăm năm nay việc hoàn thiện nhà nước liên tục được tiến hành, và việc đó cũng rất cần thiết, là việc tất yếu, góp phần rất to lớn

và tích cực cho sự phát triển kinh tế, xã hội. Nhưng, vấn đề mất cân đối trong quá trình phát triển đưa đến các cuộc khủng hoảng lớn nhỏ vẫn tiếp tục và dường như đang tiếp tục với quy mô, cường độ và tần suất lớn hơn. Các mất cân đối cũng như khả năng khủng hoảng không còn nằm trong phạm vi một quốc gia hay một chính phủ cụ thể nữa, mà đã ở phạm vi siêu quốc gia, toàn cầu. Trong tương lai không xa với sự phát triển của cách mạng khoa học và công nghệ và của toàn cầu hóa thì khả năng khủng hoảng nằm ngoài các chính phủ quốc gia càng nhiều, càng lớn. Khó có một chính phủ nào có thể một mình độc lập giải quyết được khủng hoảng hoặc đứng bên ngoài khủng hoảng. Sự phối hợp giữa các nước, nhất là trong nhóm G8, G20, việc trao thêm 5% quyền quyết định cho các nước mới nổi của IMF là những biểu hiện bước đầu cho nhu cầu mới về giải quyết khủng hoảng trong tương lai. Nói như vậy để thấy rằng trong quá khứ, ở giai đoạn hiện nay và chắc chắn rằng cả trong tương lai việc hoàn thiện nhà nước không mang lại những đột phá trong giải quyết các cuộc khủng hoảng và cả hàng loạt các vấn đề khác để phát triển bền vững.

Nguyên tắc căn bản trong điều hành kinh tế là nhà nước không được hành động trái với các nguyên tắc của thị trường, nhưng cũng không thay thế các chủ thể kinh tế. Nhà nước luôn có lợi ích của riêng mình, các cá nhân trong hệ thống nhà nước cũng có lợi ích cá nhân và nhóm của họ. Các doanh nhân và nhóm xã hội luôn lobby sao cho chính sách và sự điều hành có lợi nhất cho công việc của họ, những kẻ đầu cơ luôn tìm cách khai phá các kẽ hở trong các chính sách và pháp luật của nhà nước, người dân cũng có những lợi ích riêng của họ... Từ góc độ ấy mà xem xét, nhà nước tự nó luôn bị chèo lái giữa các lợi ích khác nhau, nên nguy cơ rủi ro bao giờ cũng tiềm ẩn trong sự chèo lái ấy. Lịch sử cũng cho thấy, cho đến nay, nhân loại dù đã tạo ra nhiều công cụ,

phương tiện hữu hiệu để giúp nhà nước chèo lái đúng phương hướng, đảm bảo phát triển bền vững. Nhưng, loài người lại vẫn chưa tìm ra được cách nào để trừ bỏ triệt để được sai lầm, tham nhũng và lạm dụng chức quyền. Tam quyền phân lập, công khai, minh bạch, pháp chế đầy đủ và hiệu lực v.v..., tất cả đều không đủ, không hiệu quả và không trừ bỏ được những khuyết tật của nhà nước. Xã hội dân sự với tính cách là một thiết chế xã hội có chức năng khắc phục khiếm khuyết cả của thị trường lẫn nhà nước, trong thực tế cũng tỏ ra bất lực trước các cuộc khủng hoảng.

Việc sử dụng nhà nước để điều chỉnh kinh tế thị trường cũng đồng nghĩa với việc nhân loại dùng hai công cụ không hoàn thiện để đi lên phía trước mà vẫn hy vọng là đi nhanh và đi một cách bền vững, ổn định. Đó là một hy vọng và chỉ luôn là hy vọng vì không thể phát triển bền vững, ổn định trên hai bánh xe không tròn trịa ấy. Kết hợp kinh tế thị trường và sự điều hành của nhà nước có thể xảy ra ít nhất hai trường hợp khác nhau: Nhà nước điều hành tốt, sử dụng và phát huy tốt kinh tế thị trường, tạo nên sự phát triển đồng bộ, hài hòa, do đó có được sự phát triển ổn định, bền vững. Trong thực tế lịch sử, trường hợp này tồn tại, nhưng không bền vững, liên tục bị phá vỡ bởi trường hợp thứ hai. Đó là khi mặt trái của thị trường đi đôi với những khiếm khuyết của nhà nước dẫn đến khủng hoảng và những hệ lụy vô cùng khó khắc phục. Cuộc khủng hoảng hiện nay đang tiếp tục làm đảo lộn tận gốc rễ các lý luận phát triển mà nhân loại đang có.

Sự khiếm khuyết của cả hai công cụ phát triển của nhân loại nói trên trong thời đại ngày nay lại được nhân lên bằng xu thế toàn cầu hóa đang ngày thêm mạnh mẽ. Xét về thực chất và nội dung toàn cầu hóa bao hàm trong nó nhiều quá trình khác nhau từ kinh tế đến văn hóa, từ lối sống đến chính trị và tư tưởng. Về phương diện kinh tế, toàn cầu

hóa cũng bao hàm trong nó quá trình tự do hóa về tài chính, thương mại..., tốc độ luân chuyển các nguồn vốn, hàng hóa, công nghệ... ngày càng lớn và tuân theo các “luật chơi” toàn cầu, bên ngoài khuôn khổ điều tiết của một nhà nước, quốc gia. Quá trình này là một xu thế tất yếu và ngày càng mạnh, lôi kéo ngày càng nhiều khu vực và quốc gia vào vòng xoáy của nó. Đây là một trong những động lực tăng trưởng và phát triển kinh tế, xã hội trong thời đại ngày nay. Toàn cầu hóa ngày một vượt ra khỏi khuôn khổ các lý thuyết phát triển kinh tế và xã hội đã có từ chủ nghĩa tự do mới đến lý thuyết Keynes, từ chủ nghĩa Mác - Lênin cổ điển đến chủ nghĩa Mác - Lênin hậu Xô - viết⁶.

Trước đến nay các nhà lý luận Mác xít cũng như nhiều nhà nghiên cứu thuộc các học phái khác đều khẳng định rằng khủng hoảng kinh tế gắn liền với chủ nghĩa tư bản. Khủng hoảng là một thuộc tính cố hữu của chủ nghĩa tư bản, chỉ khi không còn chủ nghĩa tư bản thì khi đó mới không có khủng hoảng. Và quan hệ kinh tế nền tảng của chủ nghĩa tư bản là chế độ tư hữu tư bản chủ nghĩa về tư liệu sản xuất làm cho sản xuất của xã hội không được xã hội quản lý và điều hành thống nhất, nên thiếu tính kế hoạch thống nhất, mỗi nhà sản xuất chỉ biết kế hoạch và công việc của riêng mình, nên cứ sau một thời gian sản xuất nhất định, thì khủng hoảng lại nổ ra, khủng hoảng về sau lớn hơn khủng hoảng lần trước, quy mô, tàn suất và mức độ tác động tăng dần theo sự phát triển của các lực lượng sản xuất. Do vậy, để tránh khỏi khủng hoảng, theo các nhà mác xít, cần xóa bỏ chế độ tư hữu tư bản chủ nghĩa, thực hiện sản xuất có kế hoạch trên quy mô toàn xã hội. V.I. Lênin khác C.Mác và Ph. Ăngghen ở một chỗ rất quan trọng là sau một thời gian ngắn thực hiện chính sách cộng sản thời chiến do có cách nhìn thực tiễn sâu sắc, nên ông đã thực thi Chính sách Kinh tế mới (NEP) mà nội dung chính của nó là phát triển kinh tế hàng

hóa, mở cửa cho thị trường hoạt động. Phải chăng chính Lênin đã nhìn thấy sự khiếm khuyết trong mô hình lý luận của Mác và muốn sửa đổi nó như ông đã sửa đổi một số luận điểm trước đó. Đáng tiếc là trên phương diện lý luận, ông chưa thể hiện rõ được điều đó.

Cho đến nay, như thực tế đã cho thấy, cả ở các nước theo chế độ xã hội chủ nghĩa Xô - viết, nơi mà sản xuất, phân phối, trao đổi và tiêu dùng đều tiến hành theo một kế hoạch tập trung thống nhất ở quy mô quốc gia, lẫn ở các nước theo chế độ tư bản chủ nghĩa, nơi sản xuất “không có kế hoạch”, thì khủng hoảng vẫn xảy ra theo những cách khác nhau. Kinh tế thị trường tư bản chủ nghĩa vẫn tiếp tục khủng hoảng ngày càng trầm trọng. Chủ nghĩa xã hội theo mô hình của Mác với vai trò tuyệt đối của nhà nước cũng rơi vào khủng hoảng. Nhân loại vẫn chưa tìm được mô hình lý luận cho sự phát triển không khủng hoảng, đảm bảo sự bền vững, ổn định.

Tính chất cấp thiết của việc tạo dựng lý thuyết phát triển mới trong bối cảnh toàn cầu hóa đã rõ. Nhưng, trong khi chưa có được lý thuyết ấy, các nước vẫn tiếp tục tìm tòi và thực thi các biện pháp theo nhận thức và kinh nghiệm của mình để khắc phục khủng hoảng và phát triển. Kết hợp kinh tế thị trường với chủ nghĩa xã hội đang là một trong những xu hướng tìm tòi để phát triển không khủng hoảng, phát triển nhanh, ổn định và bền vững. Việt Nam và Trung Quốc hiện đang nỗ lực đi theo hướng đó dù ở mỗi nước có những cách thức thực hiện cụ thể không hoàn toàn giống nhau. Một số nước khác ở khu vực Trung Mỹ như Nicaragua ở mức độ nhẹ nhàng hơn, nhưng dường như cũng đang đi theo hướng đó. Nhìn chung phong trào cánh tả trên thế giới đang muốn đẩy mạnh hơn nữa các cải cách đi theo xu hướng công bằng xã hội nhiều hơn, môi trường sống tốt hơn, phát triển bền vững hơn, hòa bình và thịnh vượng cho tất cả.

Nhưng, những công cụ điều hành kinh tế, xã hội cũng như những quan điểm lý luận chính trị - xã hội của họ cũng chưa thoát ra khỏi khung khổ các lý luận cũ đã có.

Việt Nam đang thực hiện một chương trình rất quy mô cả về lý thuyết lẫn thực nghiệm phát triển xã hội. Đó là chương trình phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa đang được triển khai trong thời gian gần đây cả về phương diện lý luận lẫn thực tiễn nhằm xây dựng một lý thuyết phát triển riêng cho Việt Nam. Việc kết hợp kinh tế thị trường và chủ nghĩa xã hội là sản phẩm của thực tiễn phát triển đất nước trong những năm đổi mới vừa qua hiện chưa được tổng kết lý luận thành lý thuyết và càng chưa phải là lý thuyết phát triển hoàn chỉnh. Nhưng con đường phát triển kết hợp có thể sẽ là một nội dung quan trọng trong lý thuyết phát triển sắp tới chăng?

Hiện tại trong các tài liệu lý luận, trên các diễn đàn thảo luận có hai quan điểm khác nhau về con đường phát triển kết hợp. Về đại thể, loại ý kiến thứ nhất quan niệm rằng không thể kết hợp kinh tế thị trường với chủ nghĩa xã hội vì chủ nghĩa xã hội và kinh tế thị trường là hai thứ đối lập và loại trừ nhau từ trong bản chất. Những tiêu cực, phi lý và mâu thuẫn xã hội hiện nay là bắt nguồn từ việc kết hợp ấy.... Loại ý kiến thứ hai cho rằng hoàn toàn có thể kết hợp kinh tế thị trường và chủ nghĩa xã hội và chỉ có như vậy thì mới hạn chế được những khiếm khuyết của kinh tế thị trường trên con đường phát triển. Nhưng chủ nghĩa xã hội ở đây được những người theo quan điểm này quan niệm khác với chủ nghĩa xã hội trước đây trong các nước thuộc hệ thống xã hội chủ nghĩa thế giới. Theo họ những thành tựu của hơn 25 năm đổi mới vừa qua chính là kết quả của việc kết hợp kinh tế thị trường và chủ nghĩa xã hội. Đây là một sáng tạo mới được tổng kết từ thực tiễn phát triển và đổi mới của đất nước. Vấn đề căn bản không phải là ở việc có thể kết hợp được hay

không vì thực tế cho thấy cần phải kết hợp, kết hợp thì đất nước mới phát triển, kinh tế mới tăng trưởng, đời sống nhân dân mới được cải thiện, hạn chế được khủng hoảng, mà là ở chỗ kết hợp như thế nào cho đúng không chỉ ở lĩnh vực kinh tế mà còn ở tất cả các lĩnh vực khác của đời sống xã hội⁷. Đây là một vấn đề rất khó và các ý kiến cũng đang rất khác nhau.

Thực tế ở Việt Nam cho thấy, những gì có thể kết hợp được thì nhà nước đang cố gắng tạo ra sự kết hợp để hạn chế bớt những mặt trái của kinh tế thị trường như thực hiện xóa đói giảm nghèo, hạn chế sự phân hóa giàu nghèo đang diễn ra với tốc độ khá nhanh theo sự phát triển của kinh tế thị trường, quy hoạch sự phát triển kinh tế theo vùng, ngành... Sự kết hợp như vậy, một mặt, đang tạo ra những bước phát triển mới, năng động và hiệu quả trên nhiều phương diện của đời sống xã hội. Nhưng mặt khác, nó cũng làm nảy sinh nhiều vấn đề mới cả về lý luận lẫn thực tiễn. Chẳng hạn, xây dựng nền kinh tế thị trường đồng nghĩa với việc chấp nhận nhiều thành phần sở hữu. Điều đó trái với các nguyên lý của chủ nghĩa Mác cổ điển. Thực tế ở Việt Nam hiện nay đã xuất hiện tầng lớp tư sản, những người có tư hữu về tư liệu sản xuất và sử dụng chúng để tạo thêm giá trị cho riêng mình, đồng thời thuê nhân công ở quy mô khá lớn, phân hóa giàu nghèo đang diễn rộng, tình trạng tham nhũng ngày càng trầm trọng và tinh vi, nợ công đang gia tăng v.v... Việc giải quyết những vấn đề như vậy đang gây nên những cuộc tranh luận sôi động trên các diễn đàn thảo luận lý luận trong thời gian gần đây.

Con đường phát triển kết hợp kinh tế thị trường và chủ nghĩa xã hội dường như chỉ là một mô hình kinh nghiệm thực tế, chưa phải là một lý luận phát triển tổng quát, mới hoàn toàn thích hợp với Việt Nam trong giai đoạn hiện nay, và nó chỉ mới thể hiện ở một khía cạnh nhỏ hẹp về kinh tế và quản lý trong sự phát triển rộng lớn của xã hội hiện đại. Tình

hình thực tế càng ngày càng chứng tỏ rằng một lý luận tổng quát mới về phát triển cho Việt Nam vượt ra khỏi mô hình con đường kết hợp nói trên đang trở thành nhu cầu bức thiết trên tất cả các phương diện từ kinh tế đến tư tưởng, từ đối nội đến đối ngoại.

Lý luận tổng quát mới về phát triển phải lấy phát triển nhanh, bền vững làm một trong những tiêu chí quan trọng hàng đầu, lấy sự đồng bộ, hài hòa giữa các yếu tố cấu thành sự phát triển làm nền tảng của sự ổn định. Ngày nay không thể có sự phát triển ổn định và bền vững nếu chỉ dựa trên nền tảng hai cấu thành của nó là kinh tế thị trường và nhà nước, dù đó là hai cấu thành nền tảng và quyết định. Các lý luận chỉ xoay quanh thị trường và nhà nước đã không thể có giải pháp giải quyết được khủng hoảng. Như đã nói, trong xã hội hiện đại động lực thúc đẩy sự phát triển không thể chỉ có một hay hai yếu tố, mà là một mạng lưới các yếu tố, mặc dầu những yếu tố ấy có vị trí và vai trò khác nhau. Không tính đầy đủ đến các thiết chế xã hội khác ngoài nhà nước là một thiếu sót của các lý luận phát triển từ trước đến nay. Theo chúng tôi, lý luận tổng quát mới về phát triển ít nhất cần phải tính đến các yếu tố căn bản sau đây: Thứ nhất, đó là nhà nước pháp quyền với tính cách là chỉ huy trường dân nhạc. Thứ hai, đó là thị trường; thứ ba, đó là xã hội dân sự; thứ tư, đó là dân cư và các cộng đồng xã hội (giai cấp, tầng lớp, đảng phái chính trị...); thứ năm, đó là trình độ khoa học và công nghệ và thứ sáu là môi trường sinh thái. Ngoài các yếu tố căn bản, then chốt trên đây còn có hàng loạt các yếu tố khác như truyền thống xã hội, bối cảnh quốc tế... Mỗi yếu tố có vị trí và vai trò riêng, nhưng hiện nay chúng tạo thành mạng quan hệ quyết định đến tốc độ và chất lượng phát triển của mỗi quốc gia. Bất cứ lý thuyết tổng quát mới nào về phát triển nếu không bao chứa hết chúng, thì không thể là nền tảng lý luận cho sự phát triển trong tương lai, không thể đảm bảo sự phát triển ổn định, bền vững./.

Chú thích

1. Xem: Paul Krugman, giải Nobel kinh tế 2008, báo cáo trước các nhà kinh tế, các doanh nhân Việt Nam tại Hà nội 21 tháng 5 năm 2009; George Soros, tỷ phú Mỹ; Trương Minh, Tổng thư ký Trung tâm nghiên cứu tài chính quốc tế thuộc CASS, Trung Quốc; Olivier Blanchard, kinh tế gia trưởng của IMF; Robert Mundell, giải Nobel kinh tế 1999; Donald Trump, Vua bất động sản Mỹ; D.Medvedev, Tổng thống Nga;... đều đã có những nhận định như vậy. Tuy nhiên, nhận định về tiến trình phục hồi vẫn còn nhiều ý kiến khác nhau. Một số chuyên gia nhận định rằng phải mất khoảng 4-5 năm, số khác lạc quan hơn cho rằng chỉ thời gian ngắn nữa thôi kinh tế thế giới sẽ phục hồi. Một số cho rằng tiến trình khủng hoảng sẽ còn tiếp tục đi theo hình chữ L; số khác cho rằng tiến trình đó sẽ diễn tiến theo hình chữ V, nhiều người hiện cho rằng nó sẽ đi theo sơ đồ hình chữ U,... Nhưng, những nhận định này chưa tính đến khủng hoảng nợ công vừa mới bắt đầu.

2. Cuộc khủng hoảng 1929-1933 kéo dài 4 năm, cuộc khủng hoảng lần này có lẽ sẽ có độ dài thời gian ngắn hơn; trong khủng hoảng lần trước mức sụt giảm của các ngành công nghiệp ở các nước phát triển xuống đến mức 15 - 20% còn cuộc khủng hoảng lần này chỉ ở mức 5 - 7%; tỷ lệ thất nghiệp 25 - 30% so với khoảng 9 - 10% hiện nay; số lượng ngân hàng vỡ nợ lần khủng hoảng trước chỉ riêng ở Hoa kỳ đã là 11 ngàn trên tổng số 25 ngàn ngân hàng, nghĩa là gần một nửa số ngân hàng, lần này số ngân hàng vỡ nợ không lớn đến vậy, nhưng quy mô của các ngân hàng vỡ nợ lại to lớn hơn nhiều và nếu không có sự can thiệp nhanh chóng, kịp thời và có tác dụng của các chính phủ thì chắc chắn số ngân hàng vỡ nợ và sẽ lớn hơn rất nhiều so với hiện nay và hàng loạt các ngân hàng rất lớn sẽ tan vỡ. Liên minh châu Âu cũng phản ứng khá nhanh với khủng hoảng nợ công ở Bồ Đào Nha, Hy Lạp và Italia bằng sự phối hợp giúp đỡ của các nước còn lại trong khối với đầu tàu là Đức và Pháp nên tình hình có phần dịu hơn so với khả năng dự đoán ban đầu.

3. Giai đoạn sau năm 1921 khi Lenin chủ trương NEP cho thấy ông đã ít nhiều thay đổi quan điểm.

4. Xem Alan Greenspan - The Love of Money - BBC, 2009 Sep.

5. Nuoriel Roubini, t/c Statafirk; Robin Rivaton, Tạp chí *Đại Tây Dương*; Lang Hàm Bình, Đại học Hồng Kông; Trình Hiểu Nông, Tạp chí *Epoch Times*...

6. Chúng tôi gọi chủ nghĩa Mác - Lenin cổ điển là chủ nghĩa Mác - Lenin ở thời kỳ Mác, Ăngghen và Lenin sống được thể hiện qua các tác phẩm của các ông. Chủ nghĩa Mác - Lenin hậu Xô viết là các cách

giải thích khác nhau các quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lenin cổ điển, xuất hiện từ khi Liên xô sụp đổ, do các nhà mác xít thực hiện. Các giải thích ấy thường rất khác nhau mặc dầu họ đều khẳng định rằng họ trung thành với chủ nghĩa Mác - Lenin. Nhưng, theo một số ý kiến có thể phân chia họ thành hai phái: phái mác xít "bảo thủ" và phái mác xít "sáng tạo". Tuy nhiên, trong nhiều trường hợp cụ thể rất khó phân biệt đâu là "bảo thủ" và đâu là "sáng tạo".

7. Chỉ trong lĩnh vực kinh tế các ý kiến đều cho rằng nhà nước cần phải tích cực tham gia điều tiết kinh tế cùng thị trường, không được làm thay thị trường, nhưng lại rất khác nhau về việc nhà nước tham gia vào đâu, tham gia như thế nào và tham gia đến mức nào, ... Trong lĩnh vực chính trị, xã hội, tư tưởng, văn hóa vấn đề lại càng phức tạp hơn nhiều.

Tài liệu tham khảo

1. *Lựa chọn mô hình lý luận cánh tả cho nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam* - Kỷ yếu Tọa đàm khoa học quốc tế do Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia HN và Quỹ Rosa Luxemburg đồng tổ chức, tháng 11-2011.
2. Thế giới thức tỉnh, Bài của Hương Ly trên Tạp chí *Cộng sản điện tử*, ngày 11 tháng 11 năm 2011.
3. Sự trỗi dậy của cánh tả mới ở Trung Quốc, Bài của Leslie Hook, Tạp chí *Far Eastern Economic Review*, số tháng 4-2007.
4. Chủ nghĩa xã hội thế kỷ 21, Sự trỗi dậy của châu Mỹ Latinh - Bài của Trần Hữu Phước
<http://www.sggp.org.vn/chinhtri/2009/7/195743/>
5. Nguyễn Phú Trọng, Phát biểu tại Hội đồng lý luận TW: Thực tiễn đòi hỏi những đột phá về lý luận - <http://baodientu.chinhphu.vn/Home/Thuc-tien-doi-hoi-nhung-dot-pha-ve-ly-luan/201110/100890.vgp>
6. 5 thay đổi lớn của kinh tế thế giới hậu khủng hoảng, <http://www.vnexpress.net/GL/Kinh-doanh/2010/02/3BA18CCD/>
7. Paul Krugman, 2009. *Sự trở lại của kinh tế học suy thoái và cuộc khủng hoảng năm 2008*, Nxb. Trẻ và DT books đồng ấn hành.